

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết 06 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành

Thực hiện văn bản số 594/STP-HCTP ngày 19/5/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên về việc báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tuần Giáo báo cáo kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Việc ban hành văn bản chỉ đạo của UBND để triển khai thi hành pháp luật về chứng thực:

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh và các sở ngành tỉnh, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn (cấp xã) thực hiện các quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành (*Phụ lục I kèm theo*).

- Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức để thực hiện công tác chứng thực: Tại phòng Tư pháp huyện không bố trí riêng công chức thực hiện công tác chứng thực mà bố trí công chức kiêm nhiệm. Tại cấp xã: đã bố trí công chức Tư pháp thực hiện nhiệm vụ này, ngoài ra tại các xã, thị trấn đã bố trí công chức Văn phòng, Địa chính để phối hợp với công chức Tư pháp thực hiện công tác chứng thực.

- Việc bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện làm việc tại các địa phương, đơn vị: UBND các xã, thị trấn đã bố trí phòng làm việc (theo cơ chế “một cửa”), máy tính, tủ tài liệu... cho công chức thực hiện công tác chứng thực.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý Nhà nước

- Việc phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành

UBND huyện Tuần Giáo đã chỉ đạo phòng Tư pháp huyện chủ trì, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn thực hiện:

+ Tuyên truyền rộng rãi Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữa ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

+ Thực hiện việc chứng thực cần tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch theo quy định của Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

+ Đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch cũng như bảo vệ quyền lợi của công dân khi giao kết hợp đồng, giao dịch, người thực hiện chứng thực, cần giải thích cho công dân hiểu rõ công chứng và chứng thực là hai việc khác nhau.

- Hàng năm UBND huyện ban hành các văn bản hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác chứng thực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về chứng thực.

- Về việc tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin, trao đổi nghiệp vụ để giải quyết các việc về chứng thực tại địa phương:

+ Chỉ đạo công chức Tư pháp – Hộ tịch, Địa chính, Văn phòng – Thống kê cấp xã phối hợp trong việc thực hiện chứng thực chữ ký (chứng thực sơ yếu lý lịch), chứng thực hợp đồng, giao dịch (liên quan đến đất đai).

+ Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm quản lý đất đai thường xuyên phối hợp kiểm tra công tác đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn huyện.

- Đánh giá về năng lực của công chức làm công tác chứng thực ở địa phương:

+ Tại phòng Tư pháp có 04 công chức, trình độ chuyên môn: Đại học Luật;

+ Tại UBND các xã, thị trấn: 100% công chức Tư pháp – hộ tịch có trình độ Trung cấp Luật trở lên.

- Việc tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho công chức làm công tác chứng thực:

+ Ngày 10/5 và 11/5/2018 đã mở lớp tập huấn công tác chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ cho toàn bộ công chức Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp – Hộ tịch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

+ Ngày 24/7/2019, UBND huyện phối hợp với Công ty TNHH phát triển và chuyển giao phần mềm tổ chức tập huấn cho công chức thực hiện công tác chứng thực trên địa bàn huyện sử dụng phần mềm Quản lý công chứng, chứng thực và thông tin ngăn chặn.

- Việc kiểm tra và giải quyết theo thẩm quyền các việc về chứng thực: Hàng năm UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác chứng thực tại cấp xã (lồng ghép trong Kế hoạch kiểm tra công tác Tư pháp xã), giao Phòng Tư pháp huyện chủ trì thực hiện việc kiểm tra các quy định về chứng thực tại UBND các xã, thị trấn. Thông qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và hướng dẫn công chức thực hiện công tác chứng thực khắc phục những sai sót, tồn tại trong quá trình thực hiện công tác chứng thực tại cấp xã.

2. Việc giải quyết các yêu cầu chứng thực

- Việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính:

+ UBND các xã, thị trấn thực hiện việc chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định tại Chương II Mục 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, Chương II Thông tư 01/2020/TT-BTP. Không thực hiện việc chứng thực đối với những giấy tờ, văn bản: Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ; bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung; bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp.

+ Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính được thu theo Thông tư số 226/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.

- Việc thực hiện chứng thực chữ ký:

+ Chứng thực chữ ký theo quy định tại Chương II Mục 3 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, Chương III Thông tư 01/2020/TT-BTP. UBND các xã, thị trấn khi chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền: Trường hợp không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản thì được thực hiện dưới hình thức chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền. Theo đó việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền chỉ được thực hiện đối với các trường hợp sau: Ủy quyền về việc nộp hộ, nhận hộ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền; ủy quyền nhận hộ lương hưu, buru phẩm, trợ cấp, phụ cấp; ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại các Ngân hàng.

Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện chứng thực chữ ký trên tờ khai lý lịch cá nhân: Người thực hiện chứng thực không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân, chỉ ghi lời chứng chứng thực theo mẫu quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Lệ phí chứng thực chữ ký được thu theo Thông tư số 226/TT-BTC: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản.

- Việc thực hiện chứng thực chữ ký người dịch: Không thực hiện. Lý do: Trên địa bàn huyện Tuần Giáo không có Cộng tác viên dịch thuật.

- Việc thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch (quy trình, thủ tục hành chính thực hiện, mẫu lời chứng, việc lưu trữ số chứng thực hợp đồng, giao dịch, trách nhiệm của người thực hiện chứng thực...);

+ Đã yêu cầu UBND các xã, thị trấn đảm bảo thực hiện đúng quy trình quy định tại Chương III Nghị định 23/2015/NĐ-CP, Chương V Thông tư 01/2020/TT-BTP;

+ Việc áp dụng mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch: từ ngày 10/4/2015 đến ngày 19/4/2020 áp dụng mẫu lời chứng theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP; từ ngày 20/4/2020 đến nay áp dụng mẫu lời chứng theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

+ Đối với chứng thực hợp đồng, giao dịch (bao gồm cả chứng thực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất) được thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, hồ sơ. Nếu thấy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước khi người có thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định.

+ Lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch được thu theo Thông tư số 226/TT-BTC: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch;

- Việc ghi chép, sử dụng, lưu trữ, bảo quản hệ thống Sổ chứng thực, lưu trữ hồ sơ chứng thực: Đã yêu cầu UBND các xã, thị trấn lập Sổ chứng thực, quản lý và lưu trữ hồ sơ chứng thực theo quy định.

- Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực tại UBND các xã, thị trấn chứng thực: Quán triệt đến UBND các xã, thị trấn thực hiện theo Thông tư số 226/2016/TT-BTC. Nộp các loại lệ phí chứng thực vào Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, Chi cục thuế.

- Các vấn đề khác:

+ Việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng bản sao có chứng thực: Đã ban hành văn bản số 169/UBND-TP ngày 16/3/2015 về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; văn bản số 1113/UBND-TP ngày 17/9/2020 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng bản sao có chứng thực. Theo đó, yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các TTHC không được yêu cầu người dân nộp bản sao có chứng thực nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu phải ghi rõ ngày, tháng, năm đối chiếu và ghi “*Đã đối chiếu với bản chính*”; ký ghi rõ họ tên của người đối chiếu vào văn bản; nhằm chấm dứt tình trạng lạm dụng nộp bản sao có chứng thực trong giải quyết các TTHC.

+ UBND huyện đã ban hành văn bản số 1413/UBND-TP ngày 11/9/2019 về việc triển khai thực hiện Phần mềm công chứng, chứng thực và thông tin ngăn chặn trên địa bàn huyện. Theo đó yêu cầu UBND các xã, thị trấn thực hiện 100% các việc chứng thực trên Phần mềm.

3. Đánh giá chung:

- Ưu điểm:

+ Đã kịp thời triển khai các quy định của pháp luật và hướng dẫn thực hiện công tác chứng thực đến UBND các xã, thị trấn;

+ Đến nay mỗi xã, thị trấn trên địa bàn huyện có 01 công chức tư pháp – hộ tịch có trình độ Trung cấp Luật trở lên đảm nhiệm công tác chứng thực;

+ Đơn giản hóa thủ tục trong công tác chứng thực khi thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

+ Qua kiểm tra công tác chứng thực tại UBND các xã, thị trấn có xảy ra một số sai sót: Không mở sổ theo dõi chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ; không lưu giấy ủy quyền đối với các trường hợp thực hiện việc ủy quyền; còn có tình trạng thu phí chứng thực chữ ký sai quy định (thu thấp các trường hợp chứng thực lý lịch; thu cao đối với các trường hợp xác nhận giấy ủy quyền); ghi lời chứng không theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; thiếu chữ ký của cán bộ tiếp nhận và kiểm tra hợp đồng, giao dịch,...;

+ Một số công chức thực hiện trên phần mềm Công chứng, chứng thực và thông tin ngăn chặn chưa thành thạo; Công dân có yêu cầu chứng thực khi Phần mềm đang được nâng cấp hoặc mất điện, mất kết nối internet thì không giải quyết được.

4. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Trong công tác chỉ đạo thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành:

+ Nhận thức về vị trí, vai trò, nhiệm vụ công tác Tư pháp của một số xã chưa đầy đủ. Đội ngũ công chức TP-HT thực hiện nhiệm vụ tham mưu còn lúng túng, thiếu chủ động. Có cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của UBND huyện;

+ Khối lượng công việc lớn, nhân lực thực hiện tính đến ngày 31/8/2019 công chức tại Phòng Tư pháp có 03 công chức thiếu 01 công chức so với biên chế được giao dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chứng thực. Đến nay công chức Phòng Tư pháp đã đủ theo biên chế, việc quản lý Nhà nước về chứng thực được thực hiện hiệu quả hơn.

Tại cấp xã: Từ năm 2015 đến tháng 3/2021 tại một số xã: Mường Khong, Quài Cang, Phình Sáng, Mường Mùn thiếu 01 công chức Tư pháp – Hộ tịch dẫn đến nhiều khó khăn khi thực hiện công tác chứng thực tại UBND xã.

- Việc thực hiện các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính còn nể nang, ngại xử phạt đối với những trường hợp tự ý tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung của bản chính khi chứng thực bản sao từ bản chính.

+ Công tác tuyên truyền Nghị định số 23/2015/NĐ-CP còn chưa được thường xuyên;

+ Trình độ dân trí còn thấp chưa hiểu biết về các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng thực, tự ý tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ vào bản chính các giấy tờ như: Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân...

5. Thống kê kết quả thực hiện công tác chứng thực trong thời gian từ tháng 04/2015 đến tháng 04/2021 theo các biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp: (Phụ lục II kèm theo).

III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2015/NĐ-CP NGÀY 16/01/2015 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

- Khoản 5, Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: "*Bản chính là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền*". Theo quy định này, "*cơ quan, tổ chức có thẩm quyền*" cấp các giấy tờ, văn bản hoặc xác nhận, đóng dấu vào các giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập bao gồm các cơ quan, tổ chức của Việt Nam; cơ quan, tổ chức của nước ngoài; cơ quan, tổ chức của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức của nước ngoài. Đây là các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài, phạm vi rất rộng, không thể liệt kê hết được. Tuy nhiên cần có quy định liệt kê theo nhóm các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản chính giấy tờ tránh trường hợp nhầm lẫn khi thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính. Cụ thể, cơ quan tổ chức có thẩm quyền bao gồm: Các cơ quan đơn vị Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, ...

- Bổ sung các quy định khác của pháp luật cụ thể từng trường hợp khi nào công dân đến thực hiện thủ tục hành chính chỉ nộp bản sao từ sổ gốc/bản sao có chứng thực hoặc chỉ nộp bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu để tránh tình trạng lạm dụng bản sao có chứng thực: Khi công dân nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân, tổ chức nộp bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm bản chính thì cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tự kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính mà không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Tuần Giáo tổng kết 06 năm thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, PTP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ